

Số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2021
(V/v ly hôn, giao quyền nuôi con).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lý và bà Nguyễn Thị Thanh Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2021 về việc “xin ly hôn và giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt - Đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự trong các bản tự khai thì vụ án có nội dung như sau:

Theo nguyên đơn (anh Trần Văn N) trình bày: Trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý, anh N và chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng bố mẹ bên chồng tại thôn T, xã P, huyện Phong Điền. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân là do anh N đi làm ăn xa, tình cờ phát hiện máy điện thoại của chị H có tin nhắn qua lại thể hiện tình cảm yêu đương nam nữ nên anh N nghi ngờ chị H ngoại tình với người đàn ông khác.

Do vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau không tháo gỡ được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hàn gắn được và anh N quyết định nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị H.

Về con: Anh N xác nhận có 01 con chung là Trần Ngọc An N, sinh ngày 16/8/2014 hiện đang ở với bố. Anh N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn - Chị Trương Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị H biết về việc anh N khởi kiện vụ án ly hôn và giấy triệu tập chị H đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do.

Tòa án tiếp tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập chị H tham gia phiên họp 02 lần theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cả 02 lần mở phiên họp thì chị H đều vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 23/6/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã P, Hội phụ nữ xã P và nơi ở của chị H thì được biết: Chị Trương Thị H hiện tại còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P, huyện Phong Điền nhưng chị H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 3 năm 2021 đến nay, chị H không đăng ký tạm vắng nên không biết được chị H hiện nay ở đâu.

Về tình trạng hôn nhân: Hội phụ nữ cho biết, chị H làm công nhân tại công ty may mặc Scavi-Huế, sáng đi tối về nhưng không tham gia hội viên của Hội phụ nữ xã nên không rõ về mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh N.

Theo bà Nguyễn Thị D (là mẹ của anh N) cho biết: Vợ chồng anh N và chị H sau khi cưới thì sống chung với vợ chồng bà D đến nay. Chị H làm ở Công ty may Scavi - Huế, anh N thì làm công nhân ở tỉnh Nghệ An. Vì anh N nghi chị H ngoại tình (không bắt được quả tang) nhưng vợ chồng không hòa giải được nên anh N đã nộp đơn ly hôn. Bà D có nhận được thông báo và giấy tờ của Tòa án gửi về và bà đã giao cho chị H. Sau đó thì chị H bỏ nhà đi để con lại cho bà D nuôi dưỡng mà không nói cho ai biết. Bà D đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của anh N theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho chị H quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả 02 lần khai mạc phiên tòa thì chị H đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do “nguyên đơn đang ở trong vùng dịch phải cách ly” đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh N yêu cầu được ly hôn với chị H; Yêu cầu được quyền nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Các vấn đề khác anh N không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Tại phiên tòa, Nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cũng đã được tổng đạt hợp lệ thủ tục tham gia phiên tòa 02 lần và cả hai lần mở phiên tòa thì bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không tháo gỡ được nên chị H đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2021, để con lại cho anh N nuôi dưỡng và 02 người sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị H đều vắng mặt không rõ lý do nên được coi là đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Chứng tỏ chị H đã thấy được mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên việc ly hôn là tất yếu và chị H cũng không muốn giành quyền nuôi con.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn “cho anh N được ly hôn và giao quyền trực tiếp nuôi con cho anh N”. Các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra xem xét công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn N và chị Trương Thị H trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và được UBND xã P, huyện Phong Điền, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 28/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, anh N có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình;

Các đương sự cùng có nơi ĐKKHKT là xã P, huyện Phong Điền nên được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị Trương Thị H đã được tổng đạt “thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải” nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử là phù hợp với Điều 179; khoản 1 Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H cũng đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả hai lần khai mạc phiên tòa thì chị H đều vắng mặt không rõ lý do; Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng Hội đồng vẫn tiến hành vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Về yêu cầu xin ly hôn: Theo anh N trình bày thì nguyên nhân anh xin ly hôn vì chị H có quan hệ yêu đương với người đàn ông khác. Tuy anh N không bắt được quả tang nhưng khi anh N yêu cầu chị H giải thích về các tin nhắn qua lại trong điện thoại của chị H, thì chị H đã thừa nhận việc này.

Khi tiến hành xác minh tại nơi ở của chị H cũng được bà D (mẹ của anh N) cho biết: Sau khi nhận được thông báo, giấy tờ của Tòa án gửi về thì bà đã giao lại cho chị H, chị H nhận giấy tờ không nói gì rồi im lặng bỏ đi khỏi nhà để con lại cho bà D nuôi và cũng không cho ai biết. Công an xã P cũng xác nhận chị H bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 3 năm 2021.

Như vậy, chị H đã biết được Tòa án đang giải quyết việc anh N xin ly hôn nhưng chị H không đến Tòa án để thực hiện quyền được trình bày ý kiến, yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Qua đó chứng tỏ chị H đã nhận thức được sự thật về mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị H không đến Tòa án để phản đối mà đã im lặng bỏ đi khỏi nơi cư trú, để con lại cho mẹ chồng nuôi, bỏ mặc anh N khởi kiện việc ly hôn.

Từ những căn cứ đã được phân tích nói trên, Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh N xin ly hôn với chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc An N1, sinh ngày 16/8/2014 hiện đang ở với bố. Anh N yêu cầu được quyền nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng nhận thấy: Để giao con cho ai nuôi dưỡng thì đương sự đó phải có yêu cầu, đồng thời phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên có đáp ứng được nhu cầu phát triển của con về mọi mặt, kể cả trước mắt và sau này hay không;

Đối với chị H: Khi biết được Tòa án đang giải quyết việc anh N khởi kiện ly hôn thì chị H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và để con lại cho anh N nuôi dưỡng; Như vậy, chị H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ nuôi con. Vì vậy, yêu cầu được quyền nuôi con của anh N là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 179; Khoản 1 Điều 207; Điều 208; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn N với các nội dung sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn với chị Trương Thị H;

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 16/8/2014 (hiện đang ở với bố) kể từ ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi;

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn là 300.000.đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000.đ tại phiếu thu số 0001085 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền và nghĩa vụ yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm